

TS. Trương Thu Hà
Khoa Kinh Tế Phát Triển
Đại học Kinh tế - ĐHQGHN
Email: haoctober12@gmail.com

Môn học Kinh tế công cộng Chương II

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

○ 2.5.1. Khái niệm và thước đo

Nghèo đói

- Khái niệm chung: Nghèo là tình trạng thiếu thốn trên nhiều phương diện như: thu nhập hạn chế, thiếu cơ hội tạo ra thu nhập, thiếu tài sản để đảm bảo tiêu dùng, dễ bị tổn thương trước những đột biến, ít được tham gia vào các quá trình ra quyết định...
- vì nghèo khổ được đánh giá trên nhiều phương diện nên việc gộp tất cả các khía cạnh đó trong một chỉ số là không thể.

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

2.5.1. Khái niệm và thước đo Nghèo đói

Ba trường phái/quan điểm về đói nghèo:

- Trường phái phúc lợi: đói nghèo là hiện tượng mà một hay nhiều cá nhân trong xã hội không đạt được mức phúc lợi KT (hay thu nhập) tối thiểu để đảm bảo cuộc sống ở mức thấp nhất theo tiêu chuẩn của XH
- Trường phái (dựa vào) nhu cầu cơ bản: đói nghèo là hiện tượng mà một hay nhiều cá nhân trong XH không được tiếp cận với những hàng hoá và dịch vụ cơ bản nhằm đảm bảo chất lượng cuộc sống.

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

○ 2.5.1. Khái niệm và thước đo Nghèo đói

Ba trường phái/quan điểm về đói nghèo (tiếp):

- Trường phái (dựa vào) năng lực (A. Sen_Development as Freedom): đói nghèo là hiện tượng một hay nhiều cá nhân không có điều kiện để phát huy năng lực thực hiện các chức năng cần thiết của mình.
- => Chi phối cách thức/biện pháp giải quyết các vấn đề liên quan tới nghèo đói.

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

2.5.1. Khái niệm và thước đo đói nghèo

Khái niệm ngưỡng nghèo:

Ngưỡng nghèo (poverty line): là mức giới hạn mà cá nhân hay hộ gia đình có thu nhập hoặc chi tiêu nằm dưới mức đó sẽ bị coi là nghèo (VD: nghèo thu nhập, nghèo chi tiêu, nghèo lương thực thực phẩm...)

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

2.5.1. Khái niệm và thước đo đói nghèo

Nghèo đói

- Ngưỡng nghèo tuyệt đối (absolute poverty): là chuẩn tuyệt đối về mức sống được coi là tối thiểu cần thiết để cá nhân hoặc hộ gia đình có thể tồn tại khỏe mạnh.
- Ngưỡng nghèo tương đối (relative poverty): được xác định theo phân phối thu nhập hoặc tiêu dùng chung trong cả nước để phản ánh tình trạng của một bộ phận dân cư sống dưới mức trung bình của cộng đồng.

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

○ 2.5.1. Khái niệm và thước đo

Nghèo đói

Chỉ số đếm đầu người (HC) → số người nghèo

Tỷ lệ đếm đầu người (HCR) → tỷ lệ người nghèo

Khoảng cách nghèo (Poverty Gap) → mức độ trầm trọng của tình trạng nghèo đói trong một quốc gia

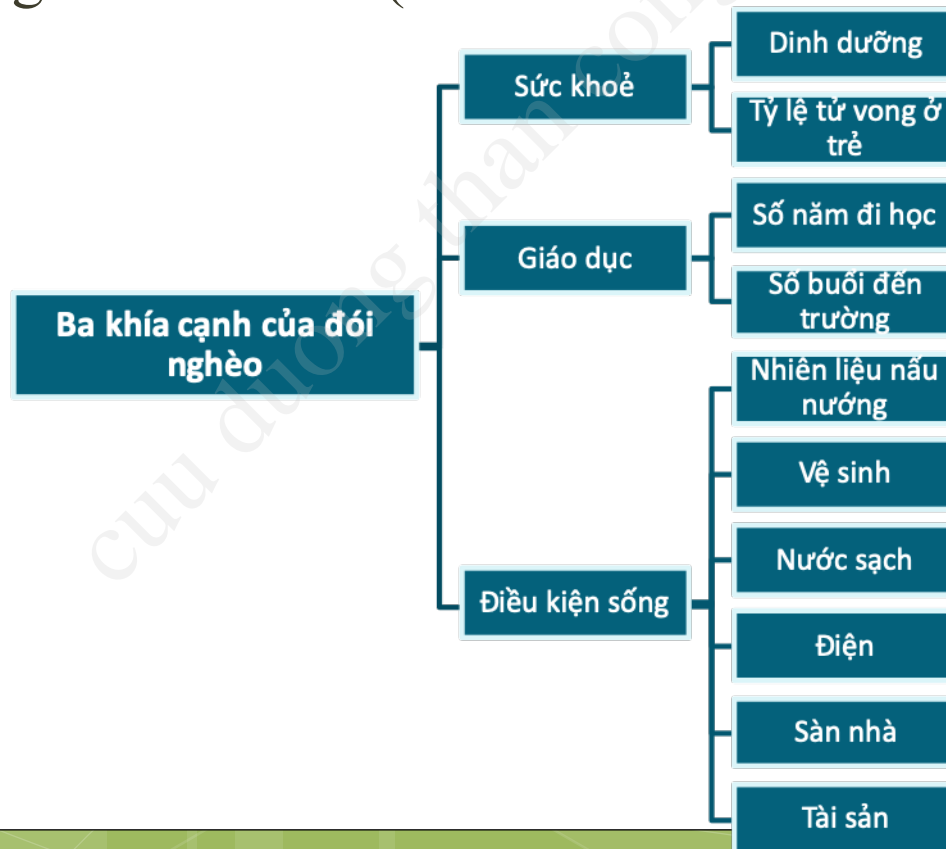
<https://youtu.be/mFHctW3zQgg>

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

2.5.1. Khái niệm và thước đo đói nghèo

Chỉ số đói nghèo tổng hợp: HPI và MPI

- Chỉ số đói nghèo đa chiều (Multi-dimensional Poverty Index)



2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

2.5.1. Khái niệm và thước đo

Mức chuẩn nghèo mới của Việt Nam giai đoạn 2016-2020

1. Tiêu chí về thu nhập:

- Chuẩn mức sống tối thiểu: từ 1.3 triệu đồng/người/tháng trở xuống ở thành thị và 1 triệu đồng/người/ tháng tại nông thôn.
- Chuẩn nghèo chính sách: từ 1 triệu đồng/người/tháng trở xuống tại thành thị và 800.000 đồng/người/ tháng tại nông thôn.
- Chuẩn mức sống trung bình: từ 1.95 triệu đồng/người/tháng trở xuống và 1.5 triệu đồng/người/tháng ở nông thôn.

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

○ 2.5.1. Khái niệm và thước đo

Mức chuẩn nghèo mới của Việt Nam giai đoạn 2016-2020

2. Tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản:

- Tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin.
- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt bao gồm: trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; tiếp cận các dịch vụ y tế; bảo hiểm y tế; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.
- Ngưỡng thiếu hụt đa chiều đối với một hộ gia đình là từ 1/3 tổng điểm thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

2.5.1. Khái niệm và thước đo đói nghèo

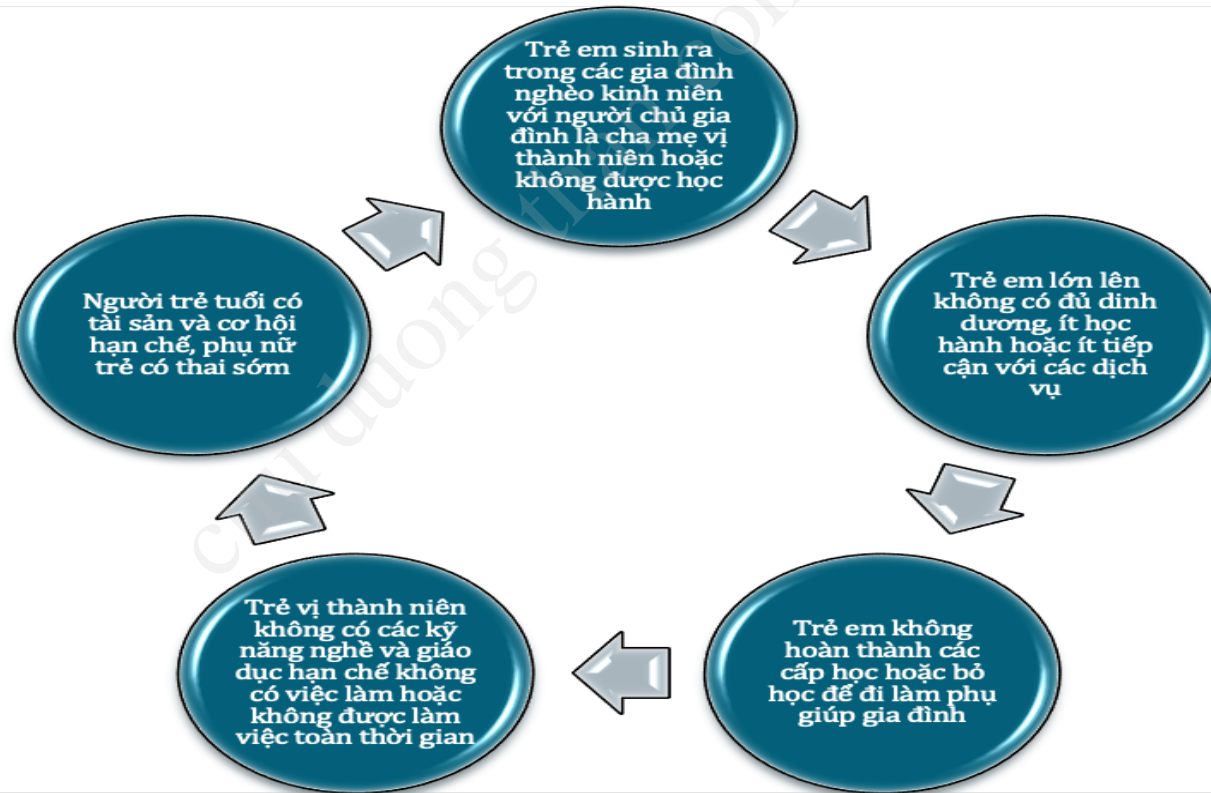
Mức chuẩn nghèo mới của Việt Nam giai đoạn 2016-2020

Dựa vào 2 tiêu chí trên để xác định mức chuẩn nghèo:

- **Hộ nghèo:** là hộ đáp ứng 1 trong 2 tiêu chí sau:
 - + Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ chuẩn nghèo chính sách trở xuống.
 - + Có thu nhập bình quân đầu người/tháng cao hơn chuẩn nghèo chính sách đến chuẩn mức sống tối thiểu và từ 1/3 tổng số điểm thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.
- **Hộ cận nghèo:** là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng cao hơn chuẩn nghèo chính sách đến chuẩn mức sống tối thiểu, và dưới 1/3 tổng số điểm thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

- 2.5.1. Khái niệm và thước đo đói nghèo
- Vòng luẩn quẩn đói nghèo truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác Intergenerational transmission of poverty



2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

2.5.2. Khái niệm và thước đo bất bình đẳng

Bất bình đẳng:

- Bình đẳng (equality) là khi mọi người nhận được khoản thu nhập (hoặc sở hữu lượng tài sản) như nhau. (Malcom Gillis)
- Bình đẳng theo định nghĩa này không bao giờ xảy ra trong thực tế nhưng nó là một tiêu chuẩn khách quan để dựa vào đó chúng ta đánh giá thực trạng phân phối của một quốc gia hay một xã hội
- Bình đẳng là một khái niệm khách quan
- Khi không có bình đẳng thì tồn tại bất bình đẳng (inequality) ở một mức độ nào đó

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

2.5.2. Khái niệm và thước đo bất bình đẳng

- Trong kinh tế học, công bằng là một khái niệm mang tính chuẩn tắc và thuộc về đạo lý. Công bằng là khi mỗi người và mọi người nhận được mức thu nhập (hay hưởng thành quả kinh tế) xứng đáng với khả năng, nỗ lực, trình độ học vấn và sự sẵn sàng chịu rủi ro của mình (Malcolm Gillis)
- Công bằng ngang là sự đối xử như nhau đối với những người có vị trí ban đầu như nhau trong xã hội.
- Công bằng dọc là sự đối xử có phân biệt giữa những người có vị trí khác nhau trong xã hội.

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

2.5.2. Khái niệm và thước đo BBĐ TN

So sánh bình đẳng (equality) & công bằng (equity)

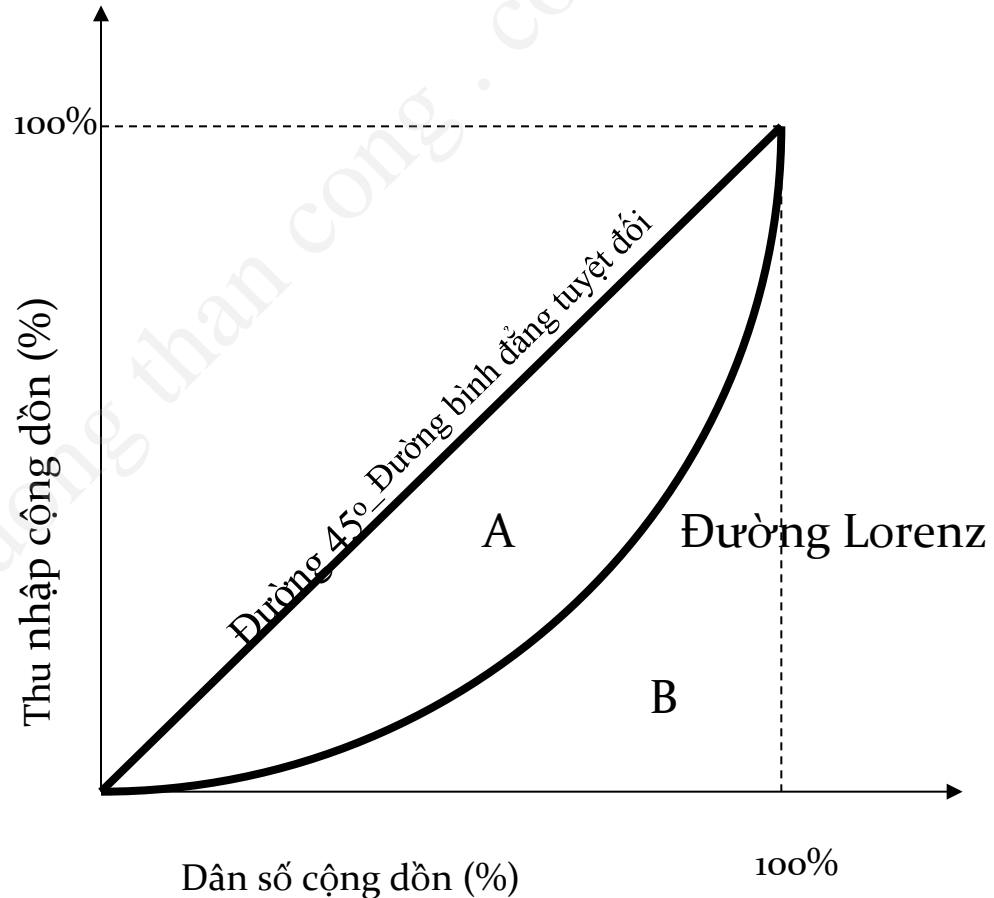
- Trong kinh tế học, công bằng là một khái niệm mang tính chuẩn tắc và thuộc về đạo lý. Công bằng là khi mỗi người và mọi người nhận được mức thu nhập (hay hưởng thành quả kinh tế) xứng đáng với khả năng, nỗ lực, trình độ học vấn và sự sẵn sàng chịu rủi ro của mình (Malcolm Gillis)
- Công bằng là một khái niệm mang tính chủ quan: thay đổi theo không gian và thời gian
- Mặc dù có nhiều cách hiểu khác nhau về công bằng nhưng mọi cách hiểu đều ngụ ý sự công nhận rằng nên tồn tại một mức độ bất bình đẳng nhất định.

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

2.5.2. Khái niệm và thước đo BBĐ thu nhập

Đường Lorenz

- Do nhà thống kê người Mỹ- C. Lorenz xây dựng năm 1905
- Đường Lorenz biểu thị mối quan hệ giữa nhóm dân số xếp theo thu nhập từ thấp đến cao cộng dồn và tỷ lệ thu nhập tương ứng của họ



2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

2.5.2. Khái niệm và thước đo BBD thu nhập

Các bước xây dựng đường cong Lorenz:

- B1: Sắp xếp dân cư theo thứ tự có thu nhập tăng dần.
- B2: chia dân số thành các nhóm có số dân bằng nhau (thường chia thành 5 nhóm, mỗi nhóm được gọi là ngũ phân vị).
- B3: Tính phần trăm thu nhập quốc dân cộng dồn của phần trăm dân số cộng dồn tương ứng.
- B4: Đưa phần trăm thu nhập quốc dân cộng dồn vào trục tung, % dân số cộng dồn vào trục hoành. Nối các điểm phản ánh % TNQD cộng dồn của % dân số cộng dồn tương ứng, ta được đường cong Lorenz.

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

2.5.2. Khái niệm và thước đo BBĐ thu nhập

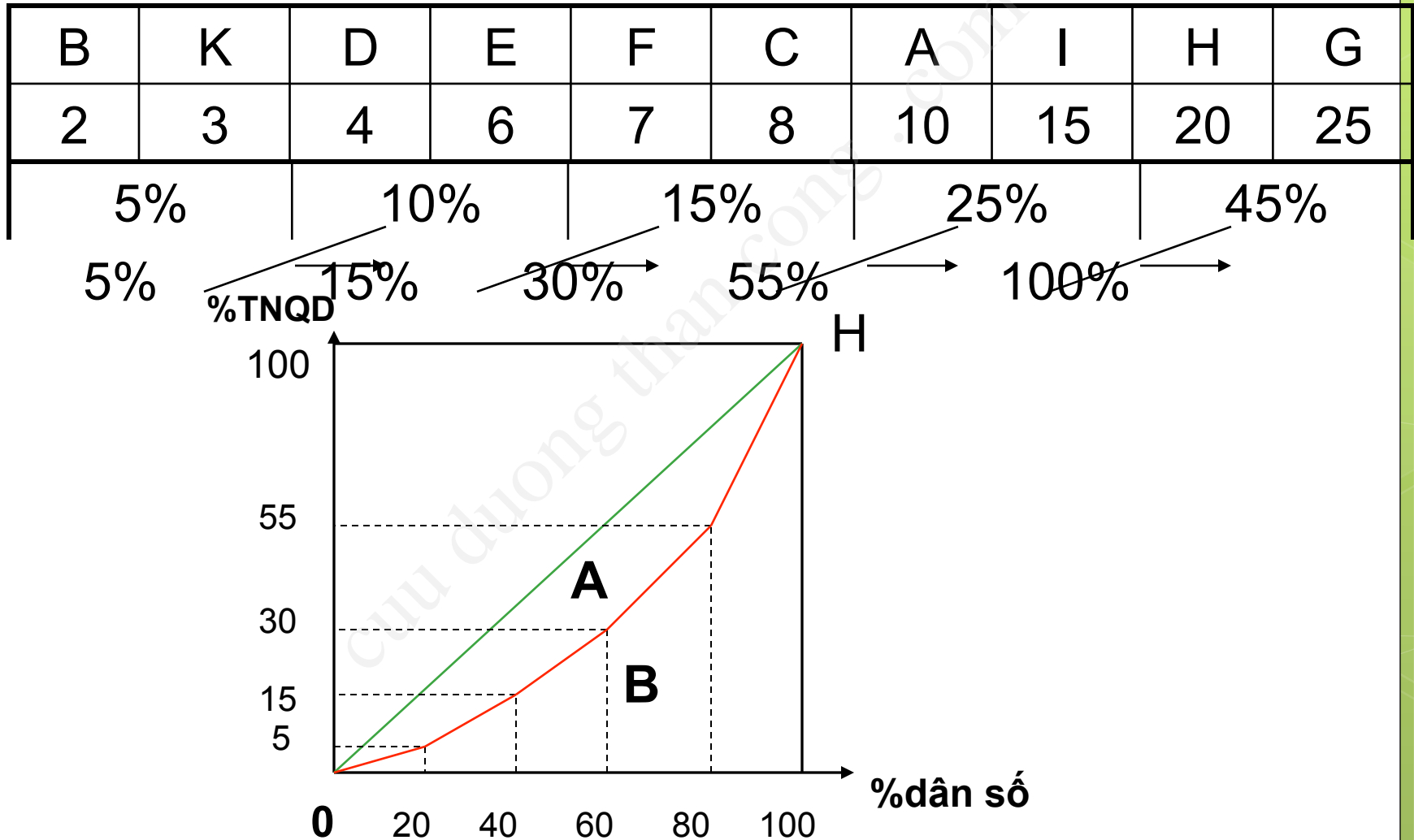
Ví dụ: giả sử có cộng đồng gồm 10 cá nhân với thu nhập như sau: (đơn vị: triệu đồng/tháng)

A	B	C	D	E	F	G	H	I	K
10	2	8	4	6	7	25	20	15	3

Hãy vẽ đường Lorenz phản ánh sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập ở cộng đồng trên.

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

Đường Lorenz (tiếp)



Lorenz curve in Excel

<https://youtu.be/tNoxEmfyNU0>

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

2.5.2. Khái niệm và thước đo BBĐ TN

Đường Lorenz

Ưu điểm:

- Đường Lorenz phản ánh tỷ lệ phần trăm của tổng TNQD cộng dồn được phân phối tương ứng với tỷ lệ phần trăm cộng dồn của các nhóm dân số đã biết.
- Đường L cung cấp một cái nhìn trực giác về BBĐ thu nhập

Đường L trong thực tế luôn nằm giữa đường BĐ tuyệt đối và BBĐ tuyệt đối.

Hạn chế:

- Chưa lượng hóa được mức độ BBĐ thành một chỉ số do đó mọi sự so sánh chỉ mang tính chất định tính.
- Trong trường hợp các đường L giao nhau thì khó có được một câu kết luận nhất quán đối với mức độ BBĐ.

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

2.5.2. Khái niệm và thước đo BBĐ TN

Hệ số Gini

- Hệ số Gini được vào ứng dụng năm 1912 và được tính dựa trên đường Lorenz.
- Cách tính hệ số Gini: $G = D_{\text{tích A}} / (D_{\text{tích A}} + D_{\text{tích B}})$
- Giá trị của hệ số Gini: $0 \leq G \leq 1$
- WB tổng kết là Gini trong thực tế là $0,2 < \text{Gini} < 0,6$. Gini càng lớn: mức độ bất bình đẳng càng cao. Nước có thu nhập thấp: 0,3- 0,5; nước có thu nhập cao: 0,2-0,4.
- Hạn chế: Chưa thể hiện được sự so sánh giữa nhóm có thu nhập cao nhất và thấp nhất trong một quốc gia.

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

Hệ số Gini (tiếp)

- Hệ số Gini được sử dụng phổ biến nhất và được tính như sau:

$$g = \frac{A}{A+B} = 2A \text{ (do } A+B = \frac{1}{2} \text{) } \quad g \text{ thuộc } [0;1]$$

- *Tính hệ số Gini của Ví dụ:*

B	K	D	E	F	C	A	I	H	G
2	3	4	6	7	8	10	15	20	25

Trong ví dụ trên:

$$B = \frac{1}{2} \times 0,2(0,05 + 0,05 + 0,15 + 0,15 + 0,3 + 0,3 + 0,55 + 0,55 + 1) = 0,31$$

$$A = 0,5 - 0,31 = 0,19$$

$$g = 2A = 0,38$$

Lorenz and Gini

- https://youtu.be/BwSB__Ugo1s

1.2.2 Hệ số Gini (tiếp)

Kết luận về hệ số Gini:

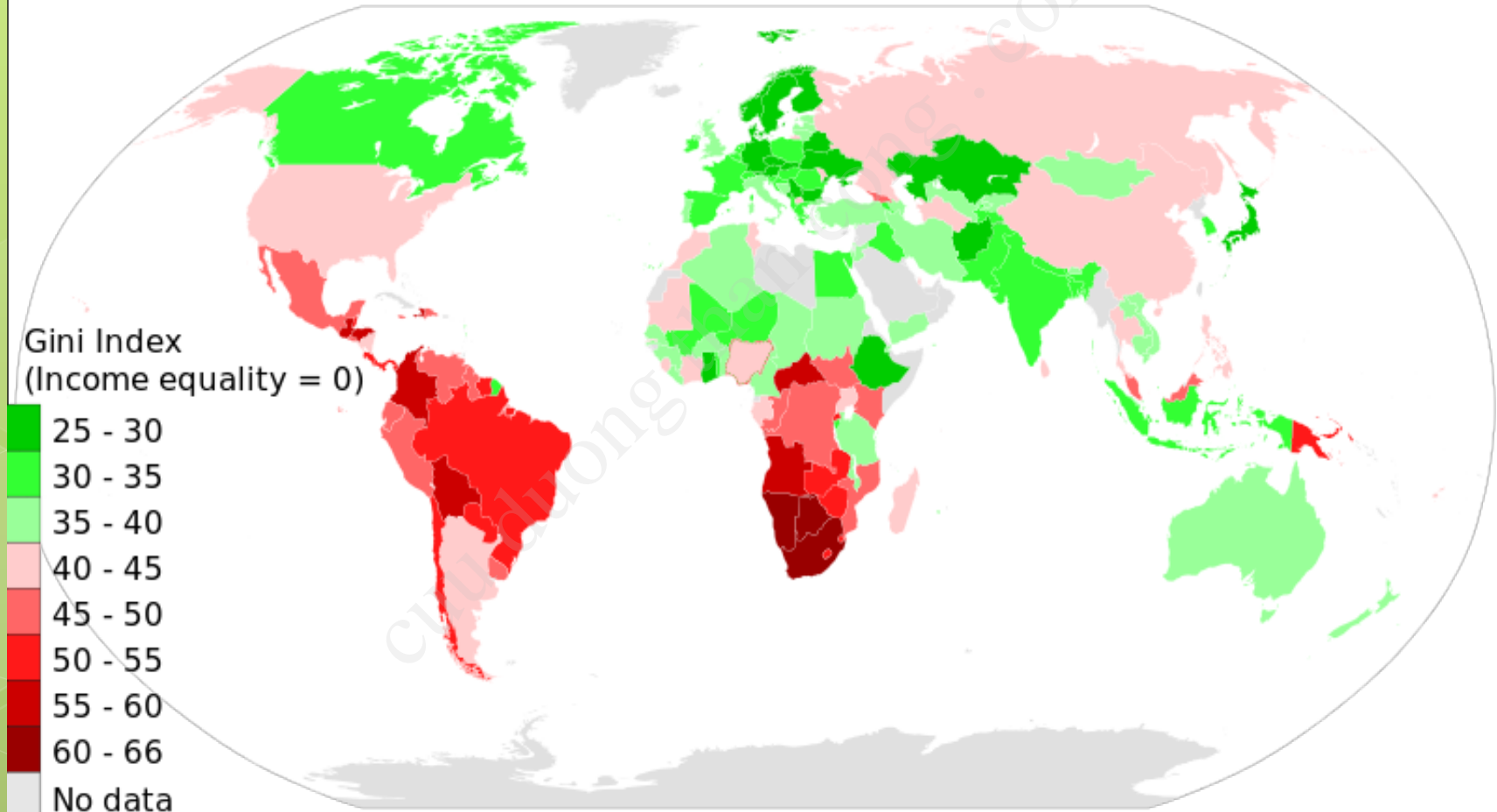
Ưu điểm: Là một thước đo khá thuận lợi để so sánh sự BBĐ giữa các quốc gia, các vùng miền qua các giai đoạn khác nhau.

Hạn chế:

- Không có kết luận nhất quán khi hai đường L cắt nhau.
- Chưa tách được sự BBĐ chung thành các nguyên nhân khác nhau gây ra sự BBĐ đó.

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

Bản đồ hệ số Gini trên thế giới năm 2008



● Nguồn: Số liệu Ngân hàng thế giới, 2014

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

Nguyên nhân dẫn đến BBĐ TN

- Bất bình đẳng trong phân phối thu nhập từ tài sản
 1. Do được thừa kế tài sản
 2. Do hành vi tiêu dùng và tiết kiệm
 3. Do kết quả kinh doanh
- Bất bình đẳng trong phân phối thu nhập từ lao động
 1. Do khác nhau về khả năng và kỹ năng lao động
 2. Do khác nhau về cường độ làm việc
 3. Do khác nhau về nghề nghiệp và tính chất công việc
 4. Do một số nguyên nhân khác

2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

2.5.3. Giải pháp can thiệp của chính phủ (hiệu ứng thu nhập/thay thế)

● Giải pháp sẽ phụ thuộc vào cách nhìn nhận (định nghĩa) đói nghèo và phương pháp đo lường.

● Một số giải pháp can thiệp:

- Phân phối lại: thuế thu nhập/tài sản lũy tiến;
- Mở rộng cơ hội cho người nghèo
- Tăng cường quyền lực cho người nghèo
- Hệ thống an sinh xã hội

Các câu sau là đúng hay sai? Giải thích ngắn gọn.

- a. Đường Lorenz càng xa đường 45 độ thể hiện mức độ bất bình đẳng càng nhỏ.
- b. Nếu hệ số Gini của khu vực thành thị là 0,35 của khu vực nông thôn là 0,32 thì của cả nước (bao gồm cả khu vực thành thị và nông thôn) sẽ là 0,67.
- c. Đói nghèo có thể kéo dài từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- d. Chính phủ nên hướng tới phân phối thu nhập sao cho các cá nhân có thu nhập bằng nhau.

Bài tập tại lớp

Một quốc gia có 10 người, với mức thu nhập hàng năm của họ (tính bằng triệu đồng) lần lượt là 4, 7, 3, 9, 5, 10, 2, 8, 11, 6.

a. Lập biểu phân nhóm thu nhập theo ngũ phân vị (5 nhóm dân cư, mỗi nhóm 20% dân số) cho quốc gia trên.

b. Vẽ đường Lorenz tương ứng với phân phối thu nhập đó. Tính hệ số Gini của phân phối thu nhập này.

c. Nếu quốc gia đó xác định ngưỡng nghèo là 5 triệu đồng/năm và tiến hành đánh thuế đồng loạt 1 triệu đồng/người/năm với những người trên ngưỡng nghèo để chuyển giao cho những người nghèo thì chính sách đó có xóa được toàn bộ diện nghèo hay không? (Giả sử không có thất thoát khi phân phối lại thu nhập). Tính hệ số Gini cho phân phối thu nhập sau khi phân phối lại và so sánh với hệ số Gini ban đầu.

a. Tổng thu nhập: 65

Trước thuế

Nhóm	1	2	3	4	5
Thu nhập	2;3	4;5	6;7	8;9	10;11
% thu nhập	7.7	13.84	20	26.15	32.31
Cộng dồn	7.7	21.54	41.54	67.69	100

GINI trước thuế: $A/(A+B)$

$S(A+B): 1/2 * 100 * 100 = 5000$

$S(B) = 1/2 * 20 * (7.7 + 7.7 + 21.54 + 21.54 + 41.54 + 41.54 + 67.69 + 67.69 + 100) = 3769$

$G = (5000 - 3769) / 5000 = 0.2462$

a. Sau thuế:

Nhóm	1	2	3	4	5
Thu nhập	5;5	5;5	5;6	7;8	9;10
% thu nhập	15.38	15.38	16.92	23.08	29.23
Cộng dồn	15.38	30.76	47.68	70.76	100

$$S(A+B): 1/2 * 100 * 100 = 5000$$

$$S(B) = 1/2 * 20 * (15.38 + 15.38 + 30.76 + 30.76 + 47.68 + 47.68 + 70.76 + 70.76 + 100) = 4291.4$$

$$G = (5000 - 4291.4) / 5000 = 0.14$$

⇒ GINI sau khi phân phối lại nhỏ hơn hệ số GINI của phân phối thu nhập ban đầu ⇒ ít bất bình đẳng hơn

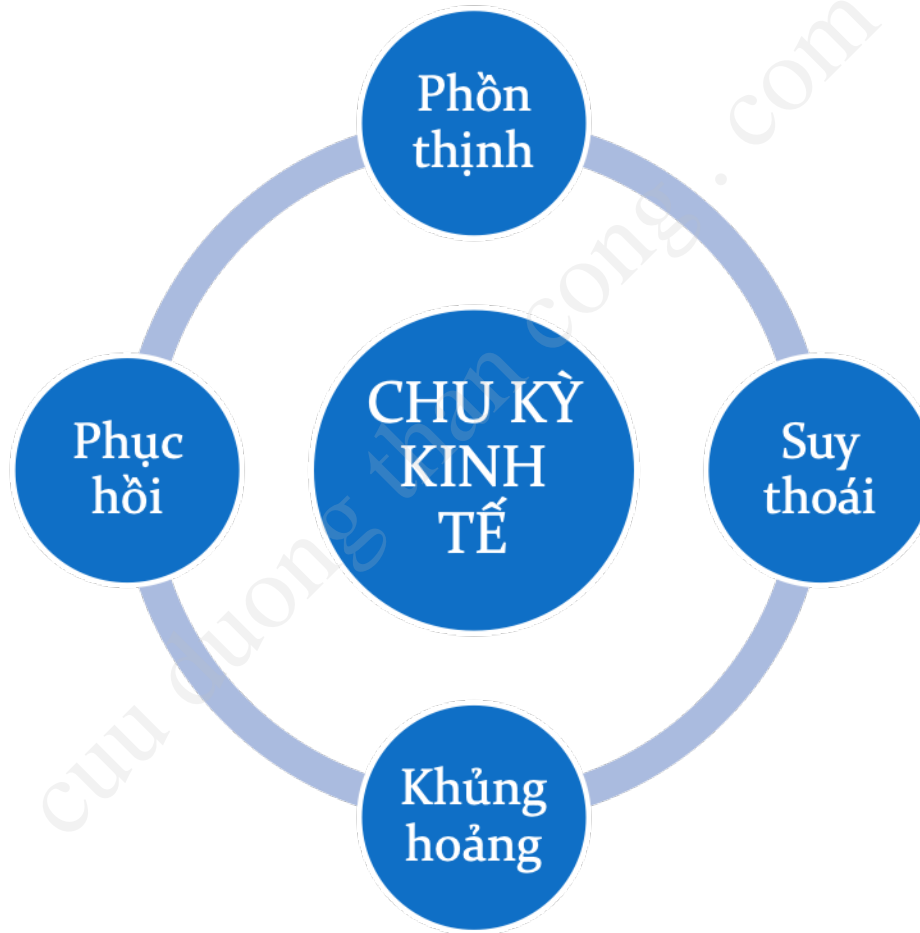
2.6. Chu kỳ kinh tế

- 2.6.1. Chu kỳ kinh tế và vai trò chính phủ
- Bất ổn kinh tế vĩ mô: Sự dao động thất thường của tổng sản lượng so với tổng sản lượng tiềm năng kéo theo sự lên xuống thất thường của tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp
- Nền kinh tế thị trường vận động theo chu kỳ: Phồn thịnh – suy thoái – khủng hoảng – phục hồi – phồn thịnh – suy thoái...
- Thời kỳ suy thoái – khủng hoảng: sản lượng thấp hơn tiềm năng, thất nghiệp cao, hàng hóa ế ẩm, lạm phát thường thấp.
- Thời kỳ phồn thịnh: sl cao hơn sl tiềm năng, thất nghiệp thấp, nguy cơ lạm phát cao.

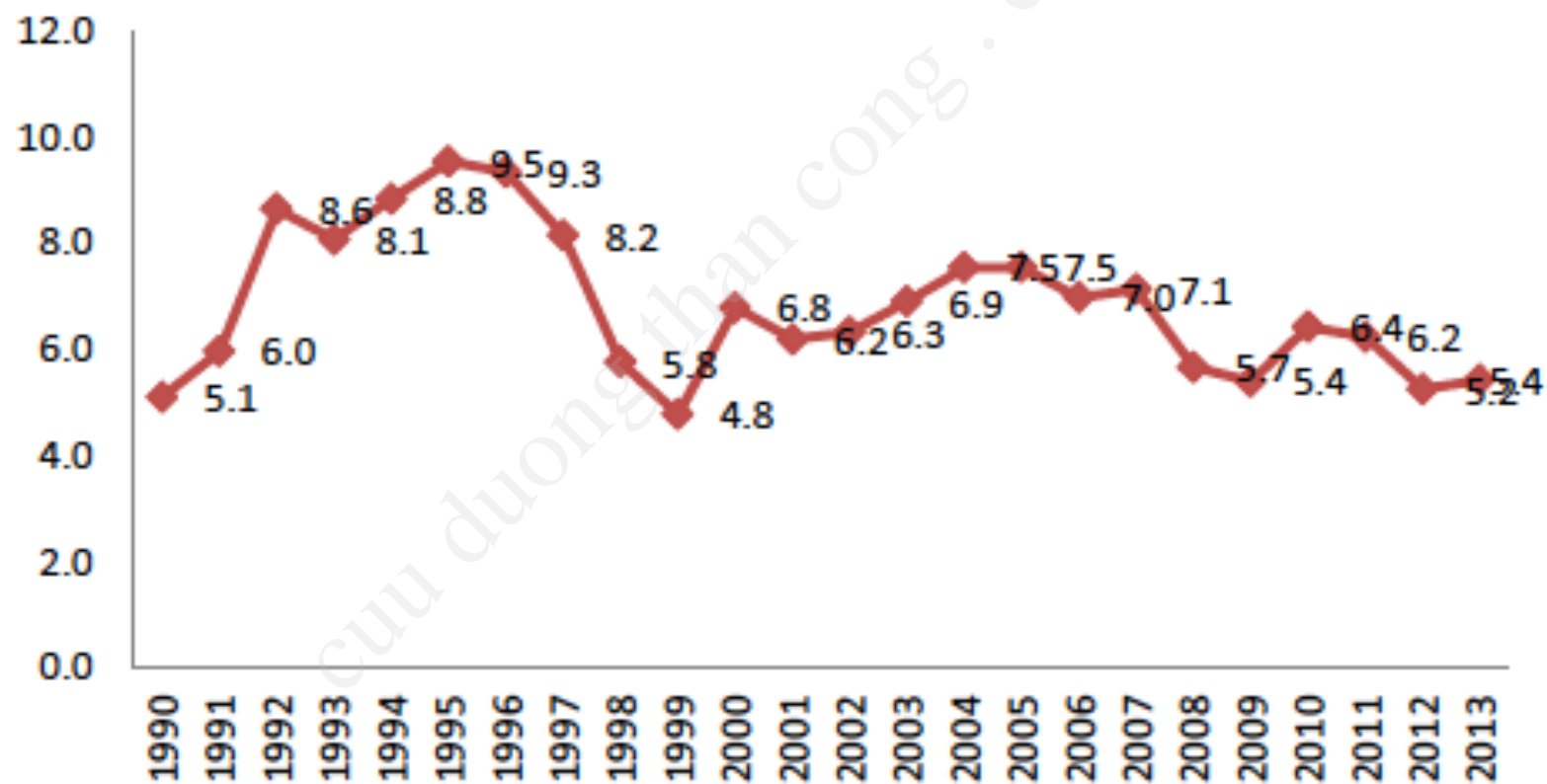
2.6. Chu kỳ kinh tế

- 2.6.1. Chu kỳ kinh tế và thất bại thị trường do bất ổn vĩ mô
- Thất nghiệp: tình trạng tồn tại một số người trong độ tuổi lao động không thể tìm được việc làm dù đã chủ động tìm việc.
- Lạm phát
- Giảm phát

BẤT ỔN VĨ MÔ



Tốc độ tăng GDP Việt Nam (% hàng năm)



2.6. Chu kỳ kinh tế

○ 2.6.1. Chu kỳ kinh tế và thất bại thị trường do bất ổn vĩ mô

Các đặc điểm của chu kỳ Kinh tế

- Chu kì kinh tế gồm có 2 giai đoạn chính xen kẽ nhau.
- Chu kì kinh tế là hệ quả tất yếu nền kinh tế thị trường
- Chu kì kinh tế có tính quốc tế
- Chu kì kinh tế có tính ngẫu nhiên khó đoán

THẤT BẠI CỦA NHÀ NƯỚC (tự nghiên cứu)

- Thất bại của nhà nước: thất bại trong việc đạt được các mục tiêu cải thiện hiệu quả hay mục tiêu mong muốn khác thông qua các hoạt động can thiệp của NN.
- Các lý do có thể dẫn đến thất bại NN:
 - + Tính đa mục tiêu và sự xung đột giữa chúng: lựa chọn mục tiêu ưu tiên sai; chi phí đánh đổi lớn.
 - + Hạn chế thông tin
 - + Hạn chế trong việc kiểm soát phản ứng của NSX và NTD.
 - + Tính quan liêu của bộ máy nhà nước
 - + Hạn chế do các quá trình chính trị áp đặt
- Hiệu quả can thiệp phụ thuộc vào năng lực của nhà nước
- => Can thiệp của NN cần phù hợp với năng lực

2.6. Chu kỳ kinh tế

2.6.2. Giải pháp can thiệp của chính phủ (tự nghiên cứu)

- Ổn định hóa vĩ mô và tạo môi trường cho tăng trưởng dài hạn: chính sách ổn định hóa và chính sách khuyến khích tăng trưởng (xem Kinh tế học vĩ mô/ kinh tế học phát triển).

- See:
[How The Economic Machine Works by Ray Dalio.mp4](#)
- <https://youtu.be/PHe0bXAluk0>

Các câu sau là đúng hay sai?

Giải thích ngắn gọn

- a. Chu kỳ kinh tế là hiện tượng sản lượng tiềm năng dao động lên xuống một cách đều theo thời gian.
- b. Biên độ dao động của chu kỳ kinh tế mang tính chất ngẫu nhiên khó đoán.
- c. Bất ổn vĩ mô ở một quốc gia không ảnh hưởng tới nền kinh tế của các quốc gia khác
- d. Chu kỳ kinh tế thường xảy ra do các yếu tố ngoại sinh
- e. Chính phủ luôn phải đánh đổi giữa mục tiêu giảm thất nghiệp và kiềm chế lạm phát.
- f. Trong thời kỳ khủng hoảng, Chính phủ nên áp dụng chính sách tài khoá/tiền tệ thắt chặt.
- g. Giảm phát kéo dài gây ra tổn thất cho tiêu dùng.
- h. Lạm phát cao và khó đoán gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong hoạch định tài chính và chính sách phát triển trong dài hạn.